

しずおかのにほんごきょうしつ

Các trường dạy tiếng Nhật ở Shizuoka

◇ 葵区 Aoi-ku ◇

データは2011年4月現在 (Data as of April 2011)

Tài liệu hiện tại tháng 4 năm 2011

| NO. | Tên trường 名称 | Đối tượng 対象 | Tên khóa học コース名 | Ngày/giờ 曜日・時間 | Khai giảng 入学時期 | Thời hạn khóa học 学習期間 | Học phí 授業料 | Loại hình lớp học 学習形態 | Xin cấp visa ビザ発給 |
|--|--|--|--|--|---|------------------------------|---|--|--------------------------|
| 1 | Shizuoka International School 静岡インターナショナルスクール 3-47-3 Sena, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0911 静岡市葵区瀬名3-47-3 Tel: (054)262-1120 Fax: (054)262-1250 URL : http://www.sins.co.jp Email : sinss@sins.co.jp | Người có nguyện vọng thi vào các trường đại học 大学進学希望者 | Khóa 1 năm rưỡi 1年半コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu Mon to Fri 月~金 8:30-12:05 or 12:45-16:20 | Tháng mười 10月 | 1 năm rưỡi 1年半 | ¥756,000 | Lớp học nhóm グループ レッスン | ○ Có thể xin cấp Visa |
| | | | Khóa 2 năm 2年コース | Tháng tư 4月 | 2 năm 2年 | ¥1,008,000 | | | |
| 2 | Shizuoka Japanese Education Center 静岡日本語教育センター 11-6 Yokota-cho, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0835 静岡市葵区横田町11-6 Tel: (054)251-5211 Fax: (054)251-5255 URL : http://sjec.jp/ | Người có nguyện vọng thi vào các trường đại học 大学進学希望者 | Khóa 15 tháng 1年3ヵ月コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 8:40-12:30 or 13:30-17:20 | Tháng một 1月 | 15 tháng 1年3ヵ月 | ¥749,500 | Lớp học nhóm グループ レッスン | ○ Có thể xin cấp Visa |
| | | | Khóa 18 tháng 1年半コース | | Tháng mười 10月 | 18 tháng 1年半 | ¥879,200 | | |
| | | | Khóa 21 tháng 1年9ヵ月コース | | Tháng bảy 7月 | 21 tháng 1年9ヵ月 | ¥1,011,900 | | |
| | | Khóa 2 năm 2年コース | Tháng tư 4月 | 2 năm 2年 | ¥1,141,600 | | | | |
| Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Khóa đặc biệt dành cho người thi đại học. 大学進学希望者 | Khóa học thông thường 一般コース | Tháng tư 4月 | 1 năm 1年 | ¥726,600 | ¥478,800 | × | | |
| 3 | SAME Japanese Course 静岡市国際交流協会(SAME) CCC 1F, 4-16 Ote-machi, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0853 静岡市葵区追手町4-16 静岡市クリエイター支援センター1F Tel: (054)273-5931 Fax: (054)273-6474 URL : http://www.samenet.jp Email : same@samenet.jp | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Khóa sơ cấp I 基礎 I | Thứ ba 火曜日 18:30-20:00 | Tháng một, tháng tư, tháng chín 1月・4月・9月 | 1 năm 1年間 | 1 học kỳ 12 buổi 1学期 全12回 ¥4,000 | Lớp học theo nhóm グループ レッスン | × |
| | | | Khóa sơ cấp II 基礎 II | | | | | | |
| 4 | HIRAGANA ひらがな CCC 1F, 4-16 Ote-machi, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0853 静岡市葵区追手町4-16 静岡市クリエイター支援センター1F Ms. Suzuki, Ms. Saito (鈴木・齋藤) Tel / Fax : (054)205-1056 | Người có dự định định cư tại Nhật 日本に定住する予定の人 | Tùy thuộc vào trình độ và nhu cầu của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 10:00-17:00 60 phút/ buổi/tuần 週1回60分 | Bất cứ lúc nào 随時可 | 1 năm 1年間 | 1 buổi 1回 ¥500 Phí đăng kí 申込金 1,000yen Có giữ trẻ 託児あり | Lớp học cá nhân 個人 レッスン | × |
| 5 | Nihongo Batake にほんご畑 Taiyo Seimei Bldg. 5nd Fl. 11-4 Kouya-machi, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0852 静岡市葵区紺屋町11-4 太陽生命ビル5階 Ms. Mochizuki (望月) Tel : 090-4193-9319 Email : nihongo2010aiueo@gmail.com | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Tùy thuộc vào trình độ và nhu cầu của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Ngày thường, tuần 1 buổi (có thể thay đổi) 平日週1回 (変動あり) 19:00-21:00 120 phút 120分間 | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 8 buổi 8回 ¥2,000 | Lớp học nhóm và lớp cá nhân グループ/ 個人 | × |

Xin hãy tham khảo ở trang web.
ホームページをご参照下さい。

| NO. | Tên trường 名称 | Đối tượng 対象 | Khóa học コース名 | Ngày/giờ 曜日・時間 | Khai giảng 入学時期 | Thời gian khóa học 学習期間 | Học phí 授業料 | Loại hình lớp học 学習形態 | Khả năng xin cấp visa ビザ発給 |
|-----|--|--|--|--|---|----------------------------------|---|--|----------------------------------|
| 6 | Japanese Language Institute ジャパニーズ・ランゲージ・ インスティテュート JLI #504 Chisan-Showa, 3-1 Showa-cho, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0033 静岡市葵区昭和町3-1 テサン昭和504 Tel / Fax : (054)253-2070 URL : http://www3.tokai.or.jp/jli-shizuoka/ | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Khóa học 2 tiếng 2時間コース | Từ thứ hai đến thứ sáu 月～金 | Bất cứ lúc nào 随時可 Phi đăng kí 入学金 ¥10,000 | Tuần 1 buổi 週1回 | ¥12,000/tháng | Lớp học nhóm và lớp học cá nhân グループ/ 個人 | × |
| | | | Khóa học 1 tiếng | | | Tuần 2 buổi 週2回 | ¥22,000/tháng | | |
| | | | Khóa cấp tốc ngắn hạn dành cho nhân viên công ty 短期集中コース、 企業研修生レッスン Khóa học cấp tốc ngắn hạn (kèm giới thiệu ở nhà người Nhật) 短期集中コース (ホームステイ紹介 付き) Khóa luyện thi năng lực Nhật ngữ trình độ 1 日本語能力試 験1級 対策コース Khóa cấp tốc 1 tháng dành cho người kết hôn với người Nhật 日本人配偶者向け 1ヶ月集中 | Chương trình học và học phí được quyết định th ng qua trao đổi với người học 応相談 | | Tuần 3 buổi 週3回 | ¥33,000/tháng | | |
| | | | | | | Tuần 4 buổi 週4回 | ¥44,000/tháng | | |
| | | | | | | Một thá ng 20 buổi 月20回 | ¥55,000/tháng | | |
| | | | | | | Tuần 1 buổi 週1回 | ¥8,000/tháng | | |
| 7 | SPACE M (Melting Pot) スペースM (メルティングポット) 1st Fl. 2-3-21 Kawanabe-cho, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0043 静岡市葵区川辺町2-3-21 1階 Ms. Miura (三浦) Tel : (054)252-3526, 090-9926-5424 E-mail : r-502miu@hotmail.co.jp | Tất cả mọi người đang sống tại Nhật 在住者 | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる Lớp đàm thoại của mọi người みんなの談話室 | Thỏa thuận 応相談 90 phút/buổi 1回90分 Ngày chủ Nhật thứ nhất của tháng 第1日曜日 | Bất cứ lúc nào 随時可 Tham gia tự do 自由参加 | Không giới hạn 制限なし | 1 buổi 1回 ¥1,000 Miễn phí 無料 | Lớp học cá nhân 個人 レッスン Lớp học theo nhóm グループ レッスン | × |
| 8 | Nihongokyogaku [Aoi no kai] 日本語共学「葵の会」 Shizuoka-shi Hokubu Shogai Gakushu Center 2-14-1 Shofu, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0871 静岡市葵区昭府2-14-1 静岡市北部生涯学習センター Kobayashi (小林) Tel: (054)272-2546 ※平日 Mon.-Fri. 18:00~20:00 E-mail : tea-xoo-ra@smile.odn.ne.jp | Tất cả mọi người đang sống tại Nhật 在住者 | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Thứ ba, thứ năm, thứ bảy 火・木・土 19:00-20:30 90 phút/buổi /tuần 週1回90分 | Bất cứ lúc nào 随時可 | 3 tháng 3ヶ月 | 1ki 10 buổi ¥10,000 Phi đăng kí 申込金 ¥1,000 | Lớp học theo nhóm グループ レッスン | × |
| | | | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Thỏa thuận 応相談 90 phút/ buổi 1回90分 | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限無し | 1 buổi ¥1,200 | Lớp học cá nhân 個人 レッスン | × |

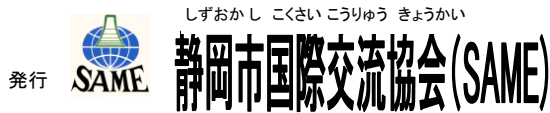
◇駿河区 Suruga-ku◇

| NO. | Tên trường 名称 | Đối tượng 対象 | Khóa học コース名 | Ngày/giờ 曜日・時間 | Khai giảng 入学時期 | Thời gian khóa học 学習期間 | Học phí 授業料 | Hình thức lớp học 学習形態 | Khả năng xin cấp visa ビザ発給 |
|-----|--|--|--|-------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------|--|----------------------------------|
| 9 | GLOBAL グローバル Mizuno mori Bldg. 2nd Fl. 14-1 Minami-cho, Suruga-ku, Shizuoka 22-8067静岡市駿河区南町14-1 水の森ビル2階 ふじのくにNPO活動センター Mr. Nagura (名倉) Tel : 090-1758-2706 Email : global.shizuoka@gmail.com | Tất cả mọi người đang sống tại Nhật 在住者 | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Thứ ba. 火曜日 19:00-20:45 | Tham gia tự do 自由参加 | Không giới hạn 制限なし | Miễn phí 無料 | Lớp học theo nhóm và lớp học cá nhân グループ/ 個人 | × |

| NO. | Tên trường 名称 | Đối tượng 対象 | Khóa học コース名 | Ngày/giờ 曜日・時間 | Khai giảng 入学時期 | Thời gian khóa học 学習期間 | Học phí 授業料 | Hình thức lớp học 学習形態 | Khả năng xin cấp visa ビザ発給 |
|---|---|--|--|--|--|-------------------------------|--|---|----------------------------------|
| 10 | Nihongo Osada にほんごおさだ Osada Shogai Gakushu Center, 131-1 Terada, Suruga-ku, Shizuoka 〒421-0137 静岡県駿河区寺田131-1 長田生涯学習センター(場所は、応相談) Ms. Daicho 大長 Tel: (054)281-6904 Mr. Nagashima 永嶋 Tel: (054)259-6742 | Tất cả mọi người đang sống tại Nhật 在住者 | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Thỏa thuận 応相談 90 phút t/buổi 1回90分 | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 1 buổi 1回 ¥300 | Lớp học cá nhân 個人 レッスン | × |
| 11 | Shizuoka YWCA "Bell no Kai" 静岡YWCA "べるの会" Shizuoka Kyokai Assembly room 15-25 Nishi-kusabuka-cho, Aoi-ku, Shizuoka 〒420-0886 静岡市葵区西草深町15-25 静岡教会 集会室 Ms.Aoki(青木) Tel:(054)260-5056 | Tất cả phụ nữ đang sống tại shizuoka 静岡在住の女性 | Tùy thuộc vào nhu cầu và trình độ của người học 学習者のレベル ニーズに合わせる | Thứ sáu 金 90 phút/buổi 1回90分 | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | Thỏa thuận 応相談 | Lớp học theo nhóm và lớp học cá nhân グループ/ 個人 | × |
| 12 | NPO VOIS NPO法人VOIS 1089-14 Ikeda, Suruga-ku, Shizuoka 〒422-8005 静岡県駿河区池田1089-14 Ms.Hanaki(花木) Tel / Fax : (054)263-4250 URL : http://www.geocities.jp/voishp/ Email : voishp@yahoo.co.jp | Người có thể nói chuyện hàng ngày bằng tiếng Anh 英語で日常会話が可能の方 | Tùy thuộc vào nhu cầu của người học 学習者のニーズ に合わせる | Thỏa thuận 応相談 | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 60 phút/buổi 60分授業 ¥1,000 Sẽ được miễn phí nếu trở thành thành viên giao tiếp bằng tiếng anh, ở các sự kiện do VOIS tổ chức VOIS主催事業等で英会話のパートナーになると無料。 | Lớp học cá nhân và lớp học thông qua sử dụng Skype 個人 レッスン/ スカイプ 利用 レッスン | × |
| 13 | International Language Institute 国際ことば学院 日本語学校 3-2-28 Yahata, Suruga-ku, Shizuoka 〒422-8076 静岡県駿河区八幡3-2-28 Tel : (054)284-8383 Fax : (054)284-8338 URL : http://www.kotoba.ac.jp Email : info@kotoba.ac.jp | Những người có nguyện vọng thi vào trường đại học 大学進学 希望者 | Khoá học 2 năm 2年コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 8:30-11:50 or 13:00-16:20 | Tháng tư, tháng mười. 4月・10月 | 2năm 2年 | ¥1,060,000 | Học theo lớp クラス レッスン | ○ Có thể xin cấp Visa |
| | | | Khoá học cho người mới bắt đầu 入門コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 13:00-14:40 | Tháng ba, tháng năm, tháng tám, tháng mười một 3月・5月・8月・11月 | 24 buổi 全24回 | ¥30,240 | Lớp học theo nhóm グループ レッスン | |
| | | | Khoá học theo nhóm グループレッスン コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 8:30-11:50 | Tháng tư, tháng bảy, tháng mười, tháng một 4月・7月・ | 49 buổi 全49回 | ¥126,000~ | | |
| | | | Khoá học hè 夏期コース | Mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu 月~金 8:30-11:50 | Tháng bảy 7月 | 15 buổi 全15回 | Khoá vỡ lòng ¥18,900 Khoá sơ cấp ¥37,800 | × | |
| | | | Khoá học cá nhân プライベート コース | Tùy thuộc vào nhu cầu của người học 学習者のニーズに 合わせる | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 60 phút một buổi 1回 60分 ¥3,675~、 90 phút một buổi 1回90分 ¥5,250~ | Lớp học cá nhân プライベート コース | |
| Khoá học theo nhóm cá nhân セミプライベート コース | Tùy thuộc vào nhu cầu của người học 学習者のニーズに 合わせる | Bất cứ lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 60 phút 1 buổi 1回 60分 ¥6,300~、 90 phút 1 buổi 1回90分 ¥9,450~ | Lớp học theo nhóm từ 2-3 người グループ レッスン 2~3人 | | | | |

◇清水区 Shimizu-ku◇

| NO. | Tên trường 名称 | Đối tượng 対象 | Khóa học コース名 | Ngày/giờ 曜日・時間 | Khai giảng 入学時期 | Thời gian khóa học 学習期間 | Học phí 授業料 | Hình thức lớp học 学習形態 | Khả năng xin cấp visa ビザ発給 |
|-----------------------------|--|---|---|---|--|-------------------------------|---|---|----------------------------------|
| 14 | Shimizu Japanese Language Association 清水日本語交流の会 2-20 Kounan-cho, Shimizu-ku, Shizuoka 〒424-0914 静岡市清水区港南町2-20 Ms. Etsuko Yoshino 吉野恵津子 TEL / FAX : (054)335-5124 URL : http://www.ac.auone-net.jp/~s.n.kk Email : y.ke-amak-tm.xz@ab.auone-net.jp | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Văn phòng khu Shimizu tầng 3 Phòng họp số 1 清水区役所3階 第1会議室 | Thứ ba 火曜日 19:00-20:30 | Tháng một, tháng tư, tháng chín. 1月・4月・9月 | 1 năm 1年間 | 1 học kỳ 10 buổi 1学期 全10回 ¥3,000 | Lớp học cá nhân 個人レッスン | × |
| | | | Trung tâm Tsuji shogaigakushyu 辻生涯学習交流館 | Thứ sáu 金曜日 10:00-11:30 | | | | | |
| | | | Trung tâm Tsuji shogaigakushyu 辻生涯学習交流館 | Thứ bảy 土曜日 19:00-20:30 | | | | | |
| | | Lớp học cá nhân プライベートレッスン | Thỏa thuận 応相談 | | 90 phút/buổi 1回90分 1 người 1人 ¥1,000 2 người trở lên (2人以上) ¥500 mỗi người | | | | |
| Nhân viên công ty 企業で働く人 | Khóa dành cho nhân viên công ty 企業レッスン | Chương trình học và học phí được quyết định thông qua trao đổi với người học 応相談 | | Lớp học theo nhóm và lớp học cá nhân グループ/個人 | | | | | |
| Học sinh, nhi đồng 児童・生徒 | Dạy miễn phí tại trường 学校ボランティア | Chương trình học được quyết định thông qua trao đổi với nhà trường 通学校と相談の上決定 | | Miễn phí 無料 | | | | | |
| 15 | Ihara Nihongo no Kai いはら・にほんごの会 Shizuoka city Kambara Citizen Center, 1-21-1 Kambara Shinden, Shimizu-ku, Shizuoka 〒421-3211 静岡市清水区蒲原新田 1-21-1 静岡市蒲原市民センター Mr. Furuya 古屋 Tel : 090-1772-8438 Email : furuya0301@ai.tnc.ne.jp | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Trung tâm thị dân Kambara, thành phố shizuoka 静岡市蒲原市民センター | Thứ năm 木曜日 19:00-20:30 | Bất kì lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | 10 buổi ¥2,000 (資料代) (phí tài liệu) | Lớp học theo nhóm và lớp học cá nhân グループ/個人 | × |
| 16 | Bilingual Japan バイリンガル ジャパン 1-15-2F Sakuragaoka-cho, Shimizu-ku, Shizuoka 〒424-0836 静岡市清水区桜が丘町 1-15-2F Tel & Fax : (054) 352-2433 http://bilingual-j.net Email: bilingual-j@nifty.jp | Tất cả mọi người đang sống ở Nhật 在住者 | Khóa học tiếng Nhật tập trung ngắn hạn 短期集中日本語コース Khóa học dài hạn tuần một buổi らくらく週1コース | Thỏa thuận 応相談 | Bất kì lúc nào 随時可 | Không giới hạn 制限なし | Buổi học 60 phút (60分授業) ¥1,000~ Buổi học 90 phút (90分授業) 1,500~ Buổi học 120 phút (120分授業) | Lớp học theo nhóm và lớp học cá nhân グループ/個人 | × |



published by Shizuoka City Association for Multicultural Exchange
 (本部) 〒420-0853 静岡市葵区追手町4番16号
 静岡市クリエイター支援センター1階
 TEL : 054-273-5931 FAX : 054-273-6474
 (清水支部) 〒424-8701 静岡市清水区旭町6番8号 静岡市役所清水庁舎2階
 TEL : 054-354-2009 FAX : 054-352-0334

E-mail: same@samenet.jp URL : <http://www.samenet.jp>